









Giải Tiếng Anh 2 Unit 1: Language use (Cánh diều)

3. Listen and check.

(Nghe và đánh dấu.)

		yes	no			yes	no
1.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	5.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	6.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	7.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	8.		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Lời giải chi tiết:

Đang cập nhật!

Bài 4

4. Listen and say.

(Nghe và nói.)

**Lời giải chi tiết:**

- I want a crown.

(Tôi muốn một chiếc vương miện.)

- I want a friend.

(Tôi muốn một người bạn.)

5. Listen. Stick and say.

(Nghe. Dán hình và nói.)

Lời giải chi tiết:

Đang cập nhật!

Từ vựng

1. **crown** /kraʊn/

vương miện

2. **king** /kiŋ/

vua, đức vua

3. **queen** /kwi:n/

nữ hoàng, hoàng hậu

4. **princess** /ˌprɪn'ses/

công chúa

5. **prince** /prɪns/

hoàng tử

6. **friend** /frend/

người bạn, bạn

7. **frog** /frɒg/

con ếch

8. **want** /wɒnt/

muốn